

#REF!

(Ban hành kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND thành phố Vũng Tàu)

#REF!

Số TT	Người sử dụng đất	ĐỊA CHỈ	DIỆN TÍCH ĐẤT ĐÃ THU HỒI (m <sup>2</sup> )	DIỆN TÍCH ĐẤT ĐÃ BỒI THƯỜNG (m <sup>2</sup> )	PHÂN LOẠI ĐẤT		CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG				CÁC KHOẢN HỖ TRỢ KHÁC	TỔNG CỘNG	GHI CHÚ	
					ĐẤT Ở	NÔNG NGHIỆP	ĐẤT	HOA MÀU	NHÀ, VKT	BỒI THƯỜNG KHÁC				
1	Ông (bà) Phạm Quang Hạnh	62 Kim Đồng, phường Rạch Dừa, thành phố Vũng Tàu	403.20	403.20	126.90	276.30	Đã tính tiền thuê nhà tại Quyết định số 10753/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của UBND thành phố Vũng Tàu. Nay gia hạn bổ sung				0	21,430,000	21,430,000	Thời gian tính tiền thuê nhà từ ngày 28/8/2022 đến hết ngày 28/4/2023 (08 tháng)
2	Ông (bà) Phạm Thị Hiếu	60B Kim Đồng, phường Rạch Dừa, thành phố Vũng Tàu	103.20	103.20	37.50	65.70	Đã tính tiền thuê nhà tại Quyết định số 10755/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của UBND thành phố Vũng Tàu. Nay gia hạn bổ sung				0	21,430,000	21,430,000	Thời gian tính tiền thuê nhà từ ngày 13/8/2022 đến hết ngày 13/4/2023 (08 tháng)
3	Ông (bà) Nguyễn Thị Soan	58 Kim Đồng, phường Rạch Dừa, thành phố Vũng Tàu	545.40	545.40	545.40	0.00	Đã tính tiền thuê nhà tại Quyết định số 10756/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của UBND thành phố Vũng Tàu. Nay gia hạn bổ sung				0	21,430,000	21,430,000	Thời gian tính tiền thuê nhà từ ngày 13/8/2022 đến hết ngày 13/4/2023 (08 tháng)
4	Ông (bà) Lương Ngọc Phúc - Hoàng Thị Mỹ Lệ	80A Bến Nôm, phường Rạch Dừa, thành phố Vũng Tàu	243.20	243.20	70.00	173.20	Đã tính tiền thuê nhà tại Quyết định số 10757/QĐ-UBND ngày 18/8/2022 của UBND thành phố Vũng Tàu. Nay gia hạn bổ sung				0	21,430,000	21,430,000	Thời gian tính tiền thuê nhà từ ngày 13/8/2022 đến hết ngày 13/4/2023 (08 tháng)
5	Ông (bà) Lê Văn Ràng	82 Bến Nôm, phường Rạch Dừa, thành phố Vũng Tàu	275.60	275.60	250.30	25.30	Tính tiền thuê nhà lần đầu theo Biên bản giao mặt bằng thực địa ngày 28/11/2022				0	13,600,000	13,600,000	Thời gian tính tiền thuê nhà từ ngày 28/11/2022 đến hết ngày 28/4/2023 (05 tháng)
<b>TỔNG CỘNG:</b>			<b>1,570.60</b>	<b>1,570.60</b>	<b>1,030.10</b>	<b>540.50</b>	<b>0</b>				<b>0</b>	<b>99,320,000</b>	<b>99,320,000</b>	

* Diện tích đất đã thu hồi	:	1,570.60	m <sup>2</sup> .
* Diện tích đất đã tính bồi thường	:	1,570.60	m <sup>2</sup> .
Trong đó:			
+ Đất ở	:	1,030.10	m <sup>2</sup> .
+ Đất nông nghiệp	:	540.50	m <sup>2</sup> .
* Số hộ dân được hỗ trợ bổ sung tiền thuê nhà	:	05	hộ dân
* Kinh phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho các hộ dân	:	99,320,000	đồng (1)
* Kinh phí 2% phục vụ BTGPMB	99,320,000 x 2 % :	1,986,400	đồng (2)

Cụ thể:

+ Hội đồng BT, HT & TĐC, TP.Vũng Tàu (11%)	:	218,504	đồng;
+ Trung tâm phát triển quỹ đất, TP.Vũng Tàu (65%)	:	1,291,160	đồng;
+ Phòng Tài nguyên và Môi trường, TP.Vũng Tàu (11%)	:	218,504	đồng;
+ Ban QLDA đầu tư xây dựng 1 (2%)	:	39,728	đồng;
+ UBND phường Rạch Dừa, TP.Vũng Tàu (5%)	:	99,320	đồng;
+ Chi nhánh VPĐK đất đai TP.Vũng Tàu (1%)	:	19,864	đồng;
+ Sở Tài chính tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (1%)	:	19,864	đồng;
+ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (2%)	:	39,728	đồng;
+ Chi cục Quản lý Đất đai (2%)	:	39,728	đồng.
* Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ bổ sung (1) + (2)	:	<b>101,306,400</b>	<b>đồng.</b>

*(Bằng chữ: Một trăm lẻ một triệu, ba trăm lẻ sáu ngàn, bốn trăm đồng)*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Thu Hương**